**Tuần 2**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Ngày tháng năm dạy** | **Tiết** | **Lớp** | **Ghi chú** |
| **Sáng thứ 2 /15/9/25** | **5** | **6B** |  |
| **Sáng thứ 3 /16/9/25** | **1** | **6A** |  |

**TIẾT 3. BÀI 1. HỆ THỐNG KINH, VĨ TUYẾN. TỌA ĐỘ ĐỊA LÍ (T2)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Xác định được trên bản đồ và trên quả Địa Cầu: kinh tuyến gốc, xích đạo, các bán cầu.

- Ghi được tọa độ địa lí của một điểm trên bản đồ.

- Nhận biết được một số lưới kinh vĩ tuyến của bản đồ thế giới

**2. Năng lực**

- Năng lực chung: giải quyết vấn đề, giao tiếp và hợp tác, tự chủ và sáng tạo

- Năng lực riêng:

+ Xác định được trên bản đồ và trên quả Địa Cầu: kinh tuyến gốc, xích đạo, các bán cầu.

+ Xác định được tọa độ địa lí của một điểm trên bản đồ.

+ Nhận biết được một số lưới kinh vĩ tuyến của bản đồ thế giới

**3. Phẩm chất**

- Có ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học ở nhà trường vào cuộc sống

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên**

- Quả Địa Cầu

- Hình 1.1. Kinh tuyến và vĩ tuyến trên quả Địa Cầu

- Hình 1.2. Vị trí của các điểm A, B,C trên quả Địa Cầu

- Hình 1.3. Một số lưới kinh, vĩ tuyến của bản đồ thế giới

- Hình ảnh, video về các điểm cực (Bắc, Nam, Đông, Tây) trên phần đất liền của nước ta.

**2. Chuẩn bị của học sinh**

- Sách giáo khoa

- Vở ghi

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Mở đầu (5 phút)**

**a. Mục tiêu:**

- Hình thành được tình huống có vấn đề để kết nối vào bài học.

- Tạo hứng thú cho HS trước khi vào bài mới.

**b. Nội dung:**

- Học sinh dựa vào kiến thức đã học và hiểu biết của mình để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:**

- Sau khi trao đổi, HS tìm được đáp án cho câu hỏi.

**d. Tổ chức hoạt động:**

**Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV: Cho tổ chức cho HS chơi trò chơi “Ai nhanh hơn” với 5-7 câu hỏi ngắn liên quan đến một vài nội dung của bài học.

**TRÒ CHƠI “AI NHANH HƠN”**

**Luật chơi:**

- Có 5 câu hỏi liên quan đến hệ thống kinh, vĩ tuyến và tọa độ địa lí.

- Mỗi HS được lựa chọn 1 câu hỏi bất kì. Nếu trả lời đúng, HS đó được 10 điểm. Nếu trả lời sai, quyền trả lời thuộc về các bạn khác trong lớp.

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu hỏi** | **Đáp án** |
| 1. Kinh tuyến là gì? | KT là các đường nối cực Bắc và cực Nam trên bề mặt quả Địa Cầu |
| 2. Vĩ tuyến là gì? | VT là các vòng tròn bao quanh quả Địa Cầu, song song với xích đạo |
| 3. Tọa độ địa lí của một điểm được xác định như thế nào? | Tọa độ địa lí của một điểm được xác định là số kinh độ và vĩ độ của điểm đó trên bản đồ hay quả Địa Cầu |
| 4. Hãy cho biết tọa độ địa lí của điểm A | A (100 T, 100B) |
| 5. Hãy cho biết tọa độ địa lí của điểm D | D (300 Đ, 100N) |

**Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**

- HS: Khai thác thông tin từ các câu hỏi của trò chơi, tìm câu trả lời theo quan điểm cá nhân

- GV: Hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS.

**Bước 3. Báo cáo, thảo luận**

- HS trả lời câu hỏi của mình.

**Bước 4. Kết luận, nhận định**

- GV: Nhận xét và dẫn dắt vào bài mới

*Ở tiết 1, chúng ta đã cùng nhau tìm hiểu hệ thống kinh, vĩ tuyến và tọa độ địa lí. Ngày hôm nay, cô và các con sẽ tìm hiểu nốt nội dung còn lại của bài, đó là phần III. Lưới kinh, vĩ tuyến của bản đồ thế giới.*

- HS: Lắng nghe, vào bài mới.

**2. Hình thành kiến thức mới (15 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG 1: LƯỚI KINH, VĨ TUYẾN CỦA BẢN ĐỒ THẾ GIỚI -15’**  **a. Mục tiêu:**  - Nhận biết được một số lưới kinh vĩ tuyến của bản đồ thế giới  **b. Nội dung:**  - Quan sát hình 1.3 và đọc thông tin mục II, tìm hiểu về lưới kinh vĩ tuyến của bản đồ thế giới  **c. Sản phẩm:** Câu trả lời, bài làm của HS  **d. Tổ chức hoạt động:** | |
| **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chia HS thành nhóm nhỏ gồm 4-5 em tùy vào số lượng.  - GV yêu cầu các nhóm HS hoàn thành nhiệm vụ học tập trong SGK:  **1. Dựa vào nội dung mô tả lưới kinh vĩ tuyến của bản đồ thế giới (hình 1.3a), hãy mô tả đặc điểm của lưới kinh, vĩ tuyến của các hình còn lại (hình 1.3b và 1.3c)**        - HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ.  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  - GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ  - HS: Suy nghĩ, trả lời  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  - HS: Trình bày kết quả  - GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  - GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng  - HS: Lắng nghe, ghi bài | **III. Lưới kinh vĩ tuyến của bản đồ thế giới**   |  |  | | --- | --- | | **Hình** | **Nội dung** | | **1.3a** | - Kinh tuyến là những đường thẳng song song cách đều nhau  - Vĩ tuyến cũng là những đường thẳng song song.  - Các kinh tuyến, vĩ tuyến vuông góc với nhau. | | **1.3b** | - Kinh tuyến là những đường thẳng tỏa ra theo hình nan quạt.  - Vĩ tuyến là những cung tròn đồng tâm.  - Tâm của các vĩ tuyến cũng chính là điểm gặp nhau của các đường kinh tuyến. | | **1.3c** | - Kinh tuyến là những đường thẳng tỏa ra từ điểm cực.  - Vĩ tuyến là những vòng tròn đồng tâm mà tâm là nơi gặp nhau của các kinh tuyến. | |

**3. Luyện tập (15 phút)**

**a. Mục tiêu:**

- Củng cố, khắc sâu, hệ thống lại nội dung kiến thức bài học.

**b. Nội dung:** Trả lời các câu hỏi tự luận/ trắc nghiệm

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời, bài làm của HS

**d. Tổ chức hoạt động**

**Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV tổ chức cho các nhóm HS đã chia trong hoạt động khám phá 3 và yêu cầu các em hoàn thành nhiệm vụ học tập trong SGK:

*Dựa vào hình 1.4, em hãy hoàn thành các nhiệm vụ sau:*

*1. Miêu tả đặc điểm lưới kinh, vĩ tuyến của bản đồ trên. (2 điểm)*

*2. Tìm trên bản đồ các vĩ tuyến và ghi vĩ độ của các vĩ tuyến đó. (4 điểm)*

*- Vòng cực Bắc, Vòng cực Nam.*

*- Chí tuyến Bắc, Chí tuyến Nam.*

*3. Xác định tọa độ địa lí của các điểm A,B,C,D. (4 điểm)*

***Gợi ý trả lời:***

*1. Hình 1.4 có:*

*- Kinh tuyến giữa là một đường thẳng có độ dài bằng 1/2 độ dài xích đạo. Các kinh tuyến khác là những đường cong giống hình elip, cách đều nhau, có chiều lõm hướng về kinh tuyến giữa.*

*- Vĩ tuyến là những đường thẳng song song và vuông góc với kinh tuyến giữa.*

*2. GV gọi HS lên xác định trên bản đồ*

*3. A (1500 T, 300B)*

*B (900 Đ, 600B)*

*C (600 Đ, 300N)*

*D (1200 T, 600N)*

**Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**

- HS: Khai thác thông tin, dựa vào hiểu biết cá nhân trả lời câu hỏi, trao đổi kết quả làm việc với các bạn khác.

- GV: Quan sát, theo dõi đánh giá thái độ làm việc, giúp đỡ những HS gặp khó khăn.

**Bước 3. Báo cáo, thảo luận**

- HS: Trình bày trước lớp kết quả làm việc. HS khác nhận xét, bổ sung

**Bước 4. Kết luận, nhận định**

- GV: Thông qua phần trình bày của HS rút ra nhận xét, khen ngợi và rút kinh nghiệm những hoạt động rèn luyện kĩ năng của cả lớp.

**4. Vận dụng (10 phút)**

**a. Mục tiêu:**

- Vận dụng kiến thức của bài học vào thực tế

**b. Nội dung:** Vận dụng kiến thức đã học hoàn thành bài tập/báo cáo ngắn

**c. Sản phẩm:** HS về nhà thực hiện nhiệm vụ GV đưa ra.

**d. Tổ chức hoạt động:**

**Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ**

*-* GV cung cấp cho HS các bản đồ Việt Nam (bản đồ trống).

*-* GV yêu cầu các em tìm kiếm bản đồ hành chính Việt Nam dựa trên những nguồn do GV cung cấp, tìm kiếm thông tin về tọa độ điểm cực. HS ghi chú tọa độ địa lí các điểm cực lên bản đồ (tọa độ và địa danh).

**Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**

- GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ

- HS: Suy nghĩ, trả lời

**Bước 3. Báo cáo, thảo luận**

- HS: Trình bày kết quả

- GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung

**Bước 4. Kết luận, nhận định**

- GV: Kiểm tra mức độ chính xác của việc hoành thành nhiệm vụ học tập thông qua các bản đồ trống.

- HS: Lắng nghe, ghi bài.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Ngày tháng năm dạy** | **Tiết** | **Lớp** | **Ghi chú** |
| **Sáng thứ 6 /19/9/25** | **3,5** | **6A,6B** |  |

**TIẾT 4,5. Bài 2. KÍ HIỆU VÀ CHÚ GIẢI TRÊN MỘT SỐ BẢN ĐỒ THÔNG DỤNG**

**(Thời lượng: 02 tiết)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Biết đọc các kí hiệu bản đồ và chú giải bản đồ hành chính, bản đồ địa hình.

**2. Năng lực**

**\* Năng lực chung**

**-** Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.

**-** Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết chủ động đưa ra ý kiến giải pháp khi được giao nhiệm vụ để hoàn thành tốt khi làm việc nhóm.

**\* Năng lực Địa Lí**

- Hiểu được ý nghĩa của kí hiệu bản đồ

- Phân biệt được các loại kí hiệu bản đồ

- Sử dụng được bảng chú giải và hệ thống kí hiệu để đọc một số bản đồ thông dụng

**3. Phẩm chất**

- Có ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học ở nhà trường vào học tập và cuộc sống.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên**

- Hình 2.1. Một số đối tượng địa lí và kí hiệu quy ước của chúng trên bản đồ

- Hình 2.2. Bản đồ địa hình và sự phân bố một số mỏ sắt, mỏ than trên thế giới

- Hình 2.3. Bản đồ hành chính thành phố Hà Nội (Việt Nam)

**2. Chuẩn bị của học sinh**

- Sách giáo khoa.

- Vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Mở đầu (5 phút)**

**a. Mục tiêu:**

- Tạo cho HS hứng thú với bản đồ, muốn tìm hiểu về các yếu tố tạo nên bản đồ, cách khai thác kiến thức bản đồ

**b. Nội dung:**

- Học sinh dựa vào hiểu biết của mình để trả lời câu hỏi.

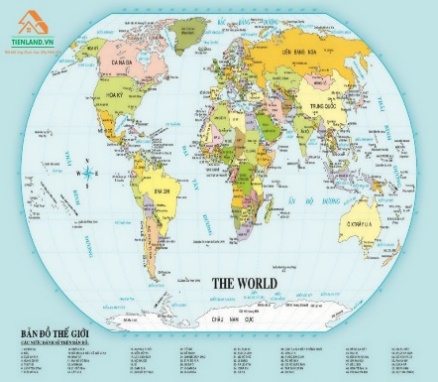
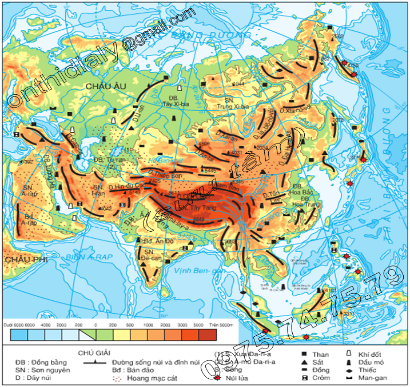
**c. Sản phẩm:**

- Sau khi trao đổi, HS tìm được đáp án cho câu hỏi.

**d. Tổ chức hoạt động:**

**Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV: Cho HS hoạt động cá nhân, thực hiện quan sát các bản đồ, trong vòng 1 phút và trả lời câu hỏi:



**? Trên các bản đồ này thể hiện các yếu tố gì ?**

- HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ.

**Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**

- HS: Tiếp nhận nhiệm vụ và có 1 phút suy nghĩ.

- GV: Hướng dẫn, theo dõi, quan sát, hỗ trợ HS đặc biệt những HS gặp khó khăn.

**Bước 3. Báo cáo, thảo luận**

**- GV**:

+ Yêu cầu đại diện vài HS lên trả lời.

+ Hướng dẫn HS trình bày (nếu các em còn gặp khó khăn).

**- HS**:

+ Trả lời câu hỏi của GV.

+ HS còn lại theo dõi, nhận xét, bổ sung cho bạn (nếu cần).

**Bước 4. Kết luận, nhận định**

- GV: Chuẩn kiến thức và dẫn vào bài mới.

*GV: Như vậy các em có thể thấy, Trái Đất của chúng ta rất rộng lớn, không phải ai trong tất cả chúng ta ngồi đây đều có cơ hội tru du khắp nơi để tìm hiểu. Quả Địa cầu là mô hình thu nhỏ của TĐ, còn nếu muốn tìm hiểu chi tiết và có một hình dung cụ thể về các vùng trên TĐ này thì bản đồ là một công cụ không thể thiếu. Vậy bản đồ là gì? Làm sao ta vó thể sử dụng bản đồ…..*

- HS: Lắng nghe, vào bài mới.

**2. Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG 1: KÍ HIỆU BẢN ĐỒ VÀ CHÚ GIẢI**  **a. Mục tiêu:**  - Hiểu được các kí hiệu bản đồ và chú giải của bản đồ  **b. Nội dung:**  - HS đọc thông tin mục quá trình nội sinh trong SGK , để tìm hiểu về kí hiệu bản đồ và chú giải của bản đồ.  **c. Sản phẩm:** Câu trả lời, bài làm của HS.  **d. Tổ chức hoạt động:** | |
| **HĐ của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **NHIỆM VỤ 1: Hướng dẫn HS tìm hiểu kí hiệu bản đồ**  **\*Yêu cầu hs đọc nội dung phần đầu bài 2 cho biết: Bản đồ là gì? (***Bản đồ là hình vẽ thu nhỏ một phần hoặc toàn bộ Trái Đất lên một mặt phẳng)*  HS trả lời, GV chuẩn kiến thức  **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ**  - *GV* c*ó thể giảng trước: Trong môn Địa lí ngoài kiến thức được khai thác trong SGK thì còn một kênh nữa cũng cung cấp tri thức cho các em, nó được ví như là cuốn SGK thứ 2 đó là bản đồ. Vậy bản đồ là gì? Làm sao để hiểu được các kí hiệu trên bản đồ? Nội dung đó sẽ được khám phá trong mục I*  - GV: Yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ học tập trong SGK  *? quan sát H2.1, em hãy cho biết các kí hiệu a,b,c,d tương ứng với nội dung các hình nào (1,2,3,4)*    - HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ.  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  - GV: Gợi ý, theo dõi, quan sát, hỗ trợ HS thực hiện nhiệm vụ.  - HS: Đọc SGK, suy nghĩ để tự hoàn thành nhiệm vụ, trả lời.  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  - HS: Trình bày kết quả.  - GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung. Từ đó yêu cầu học sinh nếu theo ý hiểu:  - Kí hiệu bản đồ là gì?  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  - GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng.  - HS: Lắng nghe, ghi bài. | **I. KÍ HIỆU BẢN ĐỒ VÀ CHÚ GIẢI**  - KHBĐ là những hình vẽ. Màu sắc, chữ viết...mang tính qui ước dùng để thể hiện các đối tượng địa lí trên bản đồ  - KHBĐ giúp người đọc phân biệt được sự khác nhau của các thông tin thể hiện trên bản đồ.  - Ý nghĩa của kí hiệu được giải thích rõ ràng trong bảng chú giải. |
| **NHIỆM VỤ 2: Hướng dẫn HS tìm hiểu ý nghĩa kí hiệu bản đồ và bảng chú giải**  **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV: Yêu cầu HS dựa vào thông tin mục I trong SGK, quan sát hình 2.2. 2.3, thảo luận theo nhóm để trả lời câu hỏi:  *1. Xác định các yếu tố sau: Bảng chú giải, kí hiệu*  *2. Kí hiệu nào thể hiện các mỏ sắt, than? Kí hiệu nào thể hiện ranh giới của thành phố Hà Nội và các tỉnh lân cận?*      *Hình 23. Bản đồ hành chính Hà Nội (Việt Nam)*  - HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ.  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  - GV: Gợi ý, theo dõi, quan sát, hỗ trợ HS thực hiện nhiệm vụ.  - HS: Đọc SGK, suy nghĩ để tự hoàn thành nhiệm vụ, trả lời.  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  - HS: Đại diện nhóm trình bày kết quả.  - GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung.  *Qua trình đáp án bài tập vừa hoàn thành kết hợp với kiến thức SGK, trả lời câu hỏi sau:*  *1. Kí hiệu bản đồ có ý nghĩa như thế nào?*  *2. Bảng chú giải có vai trò như thế nào khi đọc bản đồ?*  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  - GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng.  - HS: Lắng nghe, ghi bài. |  |
| **HOẠT ĐỘNG 2: CÁC LOẠI KÍ HIỆU BẢN ĐỒ**  **a. Mục tiêu:**  - Hiểu được cách phân loại các kí hiệu bản đồ  **b. Nội dung:**  - HS đọc thông tin mục các loại kí hiệu bản đồ để biết được phân loại các kí kiệu  **c. Sản phẩm:** Câu trả lời, bài làm của HS.  **d. Tổ chức hoạt động:** | |
| **Hoạt động khám phá : Các loại kí hiệu bản đồ** | |
| **HĐ của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ**  GV yêu cầu các nhóm dựa vào mục II trong SGK, kết hợp với hình 2.2, 2.3 để hoàn thiện phiếu học tập:  PHIẾU HỌC TẬP   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Các loại kí hiệu** | **Liệt kê các loại kí hiệu có trên h2.2, 2.3** | | 1 | Kí hiệu tượng hình |  | | 2 | Kí hiệu hình học |  | | 3 | Màu sắc, nét chải |  |   - HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ.  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  - GV: Theo dõi, quan sát, hỗ trợ HS thực hiện nhiệm vụ.  - HS: Đọc SGK, suy nghĩ, trao đổi với bạn và nhóm để tự hoàn thành nhiệm vụ, trả lời.  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  - HS: Trình bày kết quả.  - GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung.  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  - GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng.  *- KHBĐ có nhiều loại khác nhau, trong đó chia làm 2 loại:*  *+ Kí hiệu tượng hình*  *+ Kí hiệu hình học*  *\** **GV mở rộng:** *Hệ thống kí hiệu trên bản đồ được chia làm 3 loại:*  *+ Kí hiệu điểm: dùng để biểu hiện sự vật, hiện tượng địa lí phân bố theo những điểm riêng biệt như mỏ khoáng sản, sân bay, bến cảng...*  *+ Kí hiệu đường: Thường dùng để biểu hiện các sự vật, hiện tượng địa lí phân bố theo chiều dài như đường biên giới, sông, ...*  *+ Kí hiệu diện tích thường được dùng để thể hiện các vật, hiện tượng địa lí phân theo diện tích như vùng nông nghiệp, diện tích tỉnh,...*      - HS: Lắng nghe, ghi bài. | **II. CÁC LOẠI KÍ HIỆU BẢN ĐỒ**  - KHBĐ có nhiều loại khác nhau, trong đó chia làm 2 loại:  + Kí hiệu tượng hình  + Kí hiệu hình học  Hệ thống kí hiệu trên bản đồ được chia làm 3 loại:  *+ Kí hiệu điểm*  *+ Kí hiệu đường*  *+ Kí hiệu diện tích* |

**3. Luyện tập (5 phút)**

**a. Mục tiêu:**

- Củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện lại nội dung kiến thức mà HS vừa tìm hiểu về các kí hiệu bản đồ

**b. Nội dung:** Trả lời các câu hỏi tự luận/trắc nghiệm.

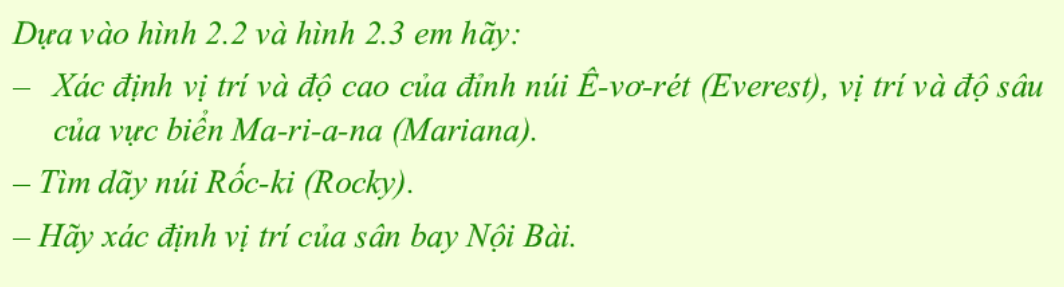
**c. Sản phẩm:** Câu trả lời, bài làm của HS.

**d. Tổ chức hoạt động:**

**Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện làm việc cá nhân, hoàn thành các bài tập sau:

**Bài tập 1:**



**Bài tập 2: Trong các yếu tố địa lí sau được thể hiển trên bản đồ, yếu tố nào sử dụng kí hiệu điểm, yếu tố nào sử dụng kí hiệu đường?**

- Đường biên giới, ranh giới, sông ngòi, đường ô tô...

- Mỏ than đá, dầu mỏ, sắt, đồng...

**Bài tập 3: Chú giải có ý nghĩa gì đối với bản đồ?**

A. Làm cho bản đồ trở nên sinh động

B. Giải thích cho các kí hiệu được thể hiện trên bản đồ

C. Bảng chú giải của bản đồ giúp chúng ta hiểu nội dung và ý nghĩa của các kí hiệu dùng trên bản đồ.

D. Bảng chú giải giúp ta hiểu được màu sắc trên bản đồ thể hiện được kiến thức địa lí nào được thể hiện trên bản đồ.

***Gợi ý trả lời***

**Bài tập 1:** GV gọi HS lên xác định trên lược đồ và chuẩn KT

**Bài tập 2:**

- Kíhiệu đường:Đường biên giới, ranh giới, sông ngòi, đường ô tô...

- Kí hiệu điểm: mỏ than đá, dầu mỏ, sắt, đồng...

**Bài tập 3:** Đáp án C.

**Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**

- HS: Khai thác thông tin, dựa vào kiến thức vừa học trả lời câu hỏi, trao đổi kết quả làm việc với các bạn khác.

- GV: Quan sát, theo dõi đánh giá thái độ làm việc, giúp đỡ những HS gặp khó khăn.

**Bước 3. Báo cáo, thảo luận**

- HS: Trình bày trước lớp kết quả làm việc. HS khác nhận xét, bổ sung

**Bước 4. Kết luận, nhận định**

- GV: Thông qua phần trình bày của HS rút ra nhận xét, khen ngợi và rút kinh nghiệm những hoạt động rèn luyện kĩ năng của cả lớp.

**4. Vận dụng (3 phút)**

**a. Mục tiêu:**

- Vận dụng kiến thức của bài học vào thực tế.

**b. Nội dung:** Vận dụng kiến thức đã học hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm:** HS về nhà thực hiện nhiệm vụ GV đưa ra.

**d. Tổ chức hoạt động:**

**Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV giao nhiệm vụ cho HS và cho HS về nhà làm sản phẩm**:**

***? Tự làm các kí hiệu điểm, hình học, chữ bằng bìa cứng (Mỗi loại kí hiệu làm khoảng 3-5 kí hiệu)***

**Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**

- HS lựa chọn kí hiệu, chất liệu làm kí hiệu

**Bước 3. Báo cáo, thảo luận**

- GV dặn dò HS tự làm ở nhà tiết sau trình bày.

**Bước 4. Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét, đánh giá và tùy vào kết làm bài của HS. GV có thể ghi nhận điểm cho HS.